

Số: 253 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 06 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3068/STNMT-CCBVMT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-STNMT ngày 23 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng” do Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng làm Chủ dự án, thực hiện tại xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân huyện Thái Thụy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng”

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng.
- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng.
- Địa chỉ: xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng Khu dân cư thôn Bích Du, xã Thái Thượng với diện tích khu đất thực hiện dự án (giai đoạn 1) là 18.598,8 m², quy mô dân số khoảng 400 người, quy hoạch sử dụng đất:

- Đất ở 8460,2 m², gồm: 68 lô (Đất ở liền kề 44 lô, diện tích 4.234,4 m²; đất ở biệt thự 24 lô, diện tích 4.225,8 m²).
- Đất cây xanh 311,8 m².
- Đất hạ tầng kỹ thuật 400 m².
- Đất giao thông 8.659,9 m².
- Đất bãi đỗ xe 766,9 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- San nền khu đất thực hiện dự án.
- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông:
 - + Tổng số tuyến đường quy hoạch: 04 tuyến.
 - + Quy mô mặt cắt ngang như sau:

Tuyến đường số 1, L=36 m:

- + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,5 \text{ m}$.
- + Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vía hè}} = 3,0 \text{ m}$.
- + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 13,5 \text{ m}$.

Tuyến đường số 2, L=310 m:

- + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,5 \text{ m}$.
- + Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vía hè}} = 3,0 \text{ m}$.
- + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 13,5 \text{ m}$.

Tuyến đường gom, L=325,22 m:

- + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,5 \text{ m}$.
- + Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vía hè}} = 3,0 \text{ m}$.
- + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 13,5 \text{ m}$.

Tuyến đường số 4, L=63,5 m:

+ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}}=7,5$ m.

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}}=2,0\text{m} - 3,0$ m.

+ Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}}=12,5$ m.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc; hệ thống chiếu sáng; hệ thống cây xanh.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất: $100\text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; phế thải từ phá dỡ công trình trên đất, thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng... khoảng $4,52\text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng $4\text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5 , SS, Amoni, NO_3^- , PO_4^{3-} , tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng $79,5\text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5 , SS, Amoni, NO_3^- , PO_4^{3-} , tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng $40\text{ kg}/\text{ngày/đêm}$ tương đương $1,2\text{ tấn}/\text{tháng}$.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 320 kg/ngày đêm tương đương 9,6 tấn/tháng.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng khoảng 719,03 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng khoảng 3,34 tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt khoảng 9.930,7 tấn;

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,05 m³/ngày đêm; bùn cặn từ hệ thống thoát nước mặt khoảng 108,8 kg/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 174 kg trong cả giai đoạn xây dựng, bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng sơn, cặn sơn thải, xỉ hàn,...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.168 kg/năm, bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, pin thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ máy móc khu xử lý nước thải, hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình rửa cốt liệu được xử lý bằng 02 bể nhựa HDPE, thể tích 1,5 m³/bể, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho hoạt động xây dựng, không thải ra môi trường; nước thải từ khu vực rửa xe xử lý bằng bể lắng xây bằng gạch thể tích 4 m³, nước thải sau xử lý được tái sử dụng; nước thải sinh hoạt sử dụng nhà vệ sinh di động loại 02 buồng, thể tích mỗi bồn chứa nước thải 2 m³ để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, rãnh thoát nước; bao gồm: Rãnh thoát nước B560 dài 848m; rãnh thoát nước B760 dài 230,5m; rãnh chịu lực qua đường 44,8m; hố ga thu thăm kết hợp 22 cái; số điểm xả: 01 điểm.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại bể phốt của các hộ dân, được thu gom vào hệ thống rãnh xây B300mm đặt tại khe hạ tầng các dãy nhà chảy vào rãnh xây B300mm, sau đó được thu gom vào hệ thống ống HDPE D315 dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung khu dân cư, công suất 100 m³/ngày đêm thuộc khu đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT-4). Nước thải được xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C_{max} (áp dụng hệ số K = 1,0); nước thải sau xử lý xả ra kênh mương nội đồng thôn

Bích Du, Tọa độ vị trí xả thải: $X = 2272386.545$; $Y = 611197.142$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ} 30'$, múi chiều 3°).

Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom nước thải T1 → Bể tách dầu mỡ T2 → Bể điều hòa T3 → Bể Anoxic T4 → Bể Aerotank T5 → Bể lắng sinh học T6 → Bể trung gian T7 (Cột lọc áp lực) → Bể khử trùng T8 → Bể chứa bùn T9 → Nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền; phun nước trên tuyến đường giao thông nội bộ; che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển (che chắn khi vận chuyển nguyên vật liệu; vệ sinh sau khi vận chuyển); vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh trong khuôn viên, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông; vận hành thường xuyên, liên tục thiết bị xử lý mùi của Trạm XLNT tập trung bảo đảm chất lượng khí thải ra môi trường đạt giới hạn quy chuẩn cho theo QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT và các quy định khác có liên quan.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa dung tích 120 lít; hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế đổ thải tại địa điểm thỏa thuận với địa phương; đất thải từ quá trình đào móng và bóc tách đất hữu cơ được tận dụng để trồng cây xanh thuộc dự án, phần còn lại được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện việc phân loại CTR tại nguồn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với các công trình công cộng, khu vực cây xanh, đặt các thùng rác dung tích 120 lít, có nắp đậy; bố trí dọc theo các đường dạo với tổng số 10 thùng. Mỗi điểm đặt 02 thùng chứa rác có màu khác nhau để phân loại rác tại chỗ. Sau đó hàng ngày tổ vệ sinh môi trường của xã sẽ tiến hành thu gom, vận chuyển để xử lý.

+ Bùn thải bề tự hoại tại các công trình nhà ở của dân sẽ tùy thuộc vào mức độ sử dụng mà các chủ hộ sẽ tự thuê đơn vị chức năng đến hút bùn bề phốt đi xử lý khi có nhu cầu.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải được đơn vị quản lý, vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với hộ gia đình: Chất thải nguy hại từ các hộ gia đình được thu gom, phân loại tại nguồn và được tổ vệ sinh môi trường của xã thu gom, lưu giữ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý bảo đảm theo quy định.

+ Đối với các công trình công cộng, trạm xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý vận hành thực hiện thu gom, lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào buổi trưa, buổi tối, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại điểm đầu và điểm cuối hướng gió.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C_{\max} (áp dụng hệ số $K = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được Cấp giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.